

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
DẦU KHÍ VŨNG TÀU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
Số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

TRANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
DẦU KHÍ VŨNG TÀU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VĨNG TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (tên giao dịch là Vung Tau Petroleum Trading and Services Joint Stock Company) tiền thân là Chi nhánh Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 5335/QĐ.UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4903000272 ngày 21 tháng 7 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được cấp các Giấy phép như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000272 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 14.000.000.000 VND lên 64.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500755050 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4903000272 ngày 21 tháng 7 năm 2006, chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 64.000.000.000 VND lên 96.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 49/2009/GCN-SGDHN ngày 15 tháng 9 năm 2009 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp với mã chứng khoán là VMG. Cổ phiếu VMG chính thức giao dịch ngày 30 tháng 9 năm 2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500755050 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 26 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) từ Ông Nguyễn Xuân Vinh sang Ông Nguyễn Quang Ninh;
- Ngày 20 tháng 7 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 2219/UBCK-QLPH, thông báo chính thức đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (VMG) vào diện ngừng giao dịch kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2011;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500755050 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) từ Ông Nguyễn Quang Ninh sang Bà Nguyễn Thị Tân Hoa.

• Vốn điều lệ : 96.000.000.000 VND

• Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : (064) 3512572

Fax : (064) 3512571

Mã số thuế : 3 5 0 0 7 5 5 0 5 0

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 35153420

Fax : (08) 38410152

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ : Ấp Lò Ô, Xã An Tây, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0650) 3579025

Fax : (0650) 3579026

- Hoạt động chính của Công ty:
 - Sản xuất thực phẩm; Chế biến nông, lâm hải sản xuất khẩu;
 - Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ thực phẩm; Kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ ngành in;
 - Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas; Dịch vụ kỹ thuật và cung ứng vật tư, hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí;
 - Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch;
 - Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; Kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phôi, sắt thép xây dựng;
 - Kinh doanh bất động sản.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (7 đến trang 27).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày từ nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Bà Nguyễn Thị Tân Hoa	Chủ tịch	14/7/2011	
Ông Nguyễn Quang Ninh	Chủ tịch	21/5/2010	28/6/2011
Ông Nguyễn Quang Ninh	Phó Chủ tịch	14/7/2011	
Ông Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	21/5/2010	28/6/2011
Ông Lê Quý Bình	Thành viên	28/6/2011	
Bà Trương Thị Đàm	Thành viên	17/6/2007	28/6/2011
Bà Trương Thị Thu Hà	Thành viên	21/5/2010	28/6/2011
Bà Đặng Thị Ngọc Chi	Thành viên	28/6/2011	
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên	28/6/2011	
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Ông Phạm Tấn Hùng	Trưởng ban	17/6/2007	28/6/2011
Bà Phan Thị Minh	Thành viên	16/5/2010	28/6/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bà Nguyễn Bùi Tịnh Thanh	Thành viên	16/5/2010
Bà Trần Thị My	Thành viên	28/6/2011
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Thành viên	28/6/2011

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Ninh	Tổng Giám đốc	05/11/2010
Ông Nguyễn Phúc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	01/5/2011 16/12/2011
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Kế toán trưởng	15/11/2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG NINH - Tổng Giám đốc

Thành phố Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2012, từ trang 7 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hiện tại, khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Á, số tiền 14.200.000.000 VND, đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận và chi phí lãi vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được phản ánh vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm ước tính số tiền là 666.808.333 VND.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

- Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận liên quan đến chi tiêu Phải trả người bán với số tiền là 833.167.128 VND (xem Thuyết minh VI.12).
- Theo Thuyết minh số VI.5 và VI.16, số dư tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản thừa chờ giải quyết trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương ứng là 1.974.368.375 VND và 262.453.891 VND (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tương ứng là 1.310.367.809 VND và 631.539.768 VND), đây là các khoản chênh lệch thiếu, thừa kiểm kê gas lữ kể từ các năm đến nay chưa giải quyết, Công ty đang trong quá trình xem xét, đánh giá các tài sản thiếu, thừa này và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm vẫn chưa được dự phòng tổn thất (nếu có) trong việc xử lý các tài sản thiếu, thừa vừa nêu.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc chưa phản ánh vào Kết quả hoạt động kinh doanh chi phí lãi vay của khoản vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán như thỏa thuận được đề cập bên trên và ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên (nếu có) đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (tiếp theo)

Cùng với việc không đưa thêm ý kiến ngoài trừ, Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo một số vấn đề sau:

- Như được trình bày tại Thuyết minh số V.1: Công ty kinh doanh thua lỗ 13.409.401.770 VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản 8.214.709.372 VND;
- Quyền sử dụng đất của kho Bến Cát vẫn do ông Lê Quý Bình, Thành viên Hội đồng Quản trị, đại diện Công ty đứng tên, giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.345.735.792 VND (xem Thuyết minh số VI.8);
- Quyền sử dụng đất của căn nhà số 54 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu đã có Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Thu hồi lại để chuyển trả cho chủ sở hữu trước đây. Trong Quyết định này, Công ty chỉ được nhận lại 30.287.631 VND, phần giá trị còn lại của căn nhà do Công ty đứng ra tự xây dựng sau này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của phần xây dựng căn nhà và quyền sử dụng đất của căn nhà này tương ứng là 227.940.781 VND và 932.560.000 VND (đây là khoản thuế nhà đất tính trên quyền sử dụng đất của căn nhà chưa nộp. Hiện Công ty đã gửi Công văn lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để khiếu nại quyết định thu hồi này (xem Thuyết minh số VI.8).

Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, kết quả của các sự kiện trên có thể sẽ thay đổi tình hình tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2012



VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0832/KTV

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0474/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.843.597.670	92.391.081.039
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	1.796.886.494	4.896.265.154
1. Tiền	111		1.796.886.494	2.896.265.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.2	24.346.743.187	33.025.588.740
1. Phải thu khách hàng	131		48.300.401.066	53.507.435.145
2. Trả trước cho người bán	132		1.479.766.235	1.970.764.398
3. Các khoản phải thu khác	135		6.345.805.770	1.095.878.206
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(31.779.229.884)	(23.548.489.009)
IV. Hàng tồn kho	140		3.058.633.057	43.166.140.187
Hàng tồn kho	141	VI.3	3.058.633.057	43.166.140.187
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.641.334.932	11.303.086.958
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	998.783.308	1.569.587.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		259.160.154	2.772.422.400
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	VI.13	41.169.102	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.5	2.342.222.368	6.961.076.793
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.469.584.178	119.882.640.329
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.853.427.290	56.190.125.326
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	32.028.568.579	35.291.589.540
<i>Nguyên giá</i>	222		45.037.317.526	47.109.107.892
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.008.748.947)	(11.817.518.352)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.7	15.035.297.077	15.435.349.321
<i>Nguyên giá</i>	225		16.002.090.000	16.002.090.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(966.792.923)	(566.740.679)
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	5.789.561.634	5.463.186.465
<i>Nguyên giá</i>	228		6.393.226.556	5.828.796.069
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(603.664.922)	(365.609.604)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		58.616.156.888	63.692.515.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	57.706.301.498	63.113.927.064
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.10	909.855.390	578.587.939
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		144.313.181.848	212.273.721.368

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.742.877.811	116.294.015.561
I. Nợ ngắn hạn	310		41.058.307.042	92.683.823.456
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.11	17.045.452.000	2.845.452.000
2. Phải trả người bán	312	VI.12	10.217.058.304	64.151.346.907
3. Người mua trả tiền trước	313		566.595.595	523.049.567
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	1.241.551.918	1.303.304.700
5. Phải trả người lao động	315	VI.14	517.849.966	355.156.557
6. Chi phí phải trả	316	VI.15	131.388.897	142.527.341
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.16	11.333.197.894	23.044.185.839
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	VI.17	5.212.468	318.800.545
II. Nợ dài hạn	330		20.684.570.769	23.610.192.105
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.18	19.024.729.269	19.104.898.605
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.19	1.659.841.500	4.505.293.500
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.570.304.037	95.979.705.807
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.20	82.570.304.037	95.979.705.807
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.149.050.000	35.149.050.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.312.959.062	2.312.959.062
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		510.312.986	510.312.986
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		585.631.494	585.631.494
6. Lỗ lũy kế	420		(51.987.649.505)	(38.578.247.735)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		144.313.181.848	212.273.721.368

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: Dollar Mỹ (USD)		393,36	392,07

Thành phố Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN QUANG NINH
Tổng Giám đốc

ĐẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh với số liệu năm 2010)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		277.331.788.774	288.359.930.464
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.184.814.916	11.300.936
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	275.146.973.858	288.348.629.528
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	254.013.985.689	271.623.073.469
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.132.988.169	16.725.556.059
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	783.762.544	194.189.929
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	1.575.414.771	3.147.424.551
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.509.753.971	2.579.456.037
8 Chi phí bán hàng	24	VII.5	22.386.378.823	25.112.760.125
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	15.234.466.443	31.905.721.827
10 Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.279.509.324)	(43.246.160.515)
11 Thu nhập khác	31	VII.7	5.066.590.239	5.965.061.530
12 Chi phí khác	32	VII.8	1.196.482.685	2.350.973.473
13 Lợi nhuận khác	40		3.870.107.554	3.614.088.057
14 Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(13.409.401.770)	(39.632.072.458)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	-	202.887.069
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(13.409.401.770)</u>	<u>(39.834.959.527)</u>

Thành phố Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN QUANG NINH
Tổng Giám đốc

ĐẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(13.409.401.770)	(39.632.072.458)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.128.202.904	3.027.250.790
- Các khoản dự phòng	03		8.230.740.875	22.643.400.340
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(770.170)	103.553.832
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(913.025.746)	(1.272.905.701)
- Chi phí lãi vay	06		1.509.753.971	2.579.456.037
<i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>(1.454.499.936)</i>	<i>(12.551.317.160)</i>
- Giảm các khoản phải thu	09		2.313.925.042	4.168.098.302
- Giảm/ (tăng) hàng tồn kho	10		40.107.507.130	(16.475.869.907)
- (Giảm)/ tăng các khoản phải trả	11		(67.866.199.706)	35.295.052.545
- Giảm chi phí trả trước	12		5.978.430.023	5.696.248.632
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.509.753.971)	(2.579.456.037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(202.887.069)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		27.024.421.069	21.651.621.679
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(19.967.160.290)	(20.190.033.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.576.217.708)	15.014.344.690
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(676.111.487)	(484.440.213)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.014.639.991	3.422.727.273
- Thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		782.992.374	162.967.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.121.520.878	3.101.254.821
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14.200.000.000	19.581.894.690
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(35.452.033.190)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(2.845.452.000)	(2.845.452.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.354.548.000	(18.715.590.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.100.148.830)	(599.990.989)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.896.265.154	5.495.464.456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		770.170	791.687
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	1.796.886.494	4.896.265.154

Thành phố Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN QUANG NINH
Tổng Giám đốc

ĐẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ
3. **Ngành, nghề kinh doanh** : Sản xuất thực phẩm; Chế biến nông, lâm hải sản xuất khẩu;

Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ thực phẩm; Kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ ngành in;

Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas; Dịch vụ kỹ thuật và cung ứng vật tư, hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí;

Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch;

Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; Kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phôi, sắt thép xây dựng;

Kinh doanh bất động sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 6 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty kinh doanh thua lỗ 13.409.401.770 VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản 8.214.709.372 VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các bên liên quan của Công ty. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện tiền chi trả trước cho các khoản phí thuê kho, phí bảo hiểm, phí bảo lãnh, phí quản lý tài sản, phí quản lý danh sách cổ đông,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng.

Chi phí trả trước ngắn hạn còn thể hiện chi phí công cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ trong vòng 12 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần với nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính:

Số năm khấu hao hàng năm của các loại TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc thiết bị	3 - 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Dụng cụ quản lý	3 - 12

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính.

Tài sản thuê tài chính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số năm khấu hao hàng năm của TSCĐ thuê tài chính như sau:

<u>Nhóm TSCĐ thuê tài chính</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Bồn chứa khí hóa lỏng	40

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong vòng 50 năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không trích khấu hao.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chủ yếu là chi phí đầu tư vô hình gas, van bình gas được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ trong thời gian 10 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	803.546.850	832.845.877
Tiền mặt VND	803.546.850	832.845.877
(b) Tiền gửi ngân hàng	993.339.644	1.724.979.445
Ngân hàng TMCP A Châu - Chi nhánh Phan Đăng Lưu	11.015.360	28.360.278
- Tiền VND	7.999.674	25.627.822
- Tiền USD quy đổi VND	3.015.686	2.732.456
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh 7 thành phố Hồ Chí Minh	965.990.000	-
- Tiền VND	965.990.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Long Thành, Đồng Nai	-	1.749.400
- Tiền VND	-	1.749.400
Ngân Hàng TM CP Đông Á - Sở giao dịch Phan Đăng Lưu	6.716.332	420.521.662
- Tiền VND	1.539.116	415.833.531
- Tiền USD quy đổi VND	5.177.216	4.688.131
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	22.956.093
- Tiền VND	-	22.956.093
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	2.751.489	413.990.969
- Tiền VND	2.751.489	413.990.969
Ngân hàng TMCP Việt Á - PGD Bình Thạnh	6.866.463	837.401.043
- Tiền VND	6.866.463	837.401.043
(c) Tiền đang chuyển	-	338.439.832
(d) Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Cộng	<u>1.796.886.494</u>	<u>4.896.265.154</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng	48.300.401.066	53.507.435.145
Trả trước cho người bán	1.479.766.235	1.970.764.398
Các khoản phải thu khác	6.345.805.770	1.095.878.206
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(31.779.229.884)	(23.548.489.009)
Cộng	<u>24.346.743.187</u>	<u>33.025.588.740</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thực hiện dự phòng phải thu khó đòi trên toàn bộ số dư phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn thanh toán, và các khoản tạm ứng cho nhân viên đã nghỉ việc không có khả năng thu hồi như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số phải thu khó đòi	Số đã dự phòng	Số phải thu khó đòi	Số đã dự phòng
Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán	40.185.223.950	31.561.366.293	39.825.822.218	23.343.095.717
Phải thu khác đã quá hạn thanh toán	32.758.250	12.470.299	-	-
Tạm ứng cho nhân viên đã nghỉ việc	205.393.292	205.393.292	205.393.292	205.393.292
Cộng	40.423.375.492	31.779.229.884	40.031.215.510	23.548.489.009

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bao bì luân chuyển	1.128.061.852	1.773.816.201
Hàng hóa	1.457.807.708	40.761.573.001
- Khí hóa lỏng	1.457.807.708	40.434.233.477
- Bồn chứa khí hóa lỏng	-	327.339.524
Hàng gửi đi bán	472.763.497	630.750.985
Cộng	3.058.633.057	43.166.140.187

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào phí	Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm
Chi phí thuê kho	374.712.110	469.732.647	449.090.304	317.065.682	78.288.771
Chi phí bảo hiểm	123.685.813	400.397.178	471.823.821	-	52.259.170
Phí quản lý tài sản	359.619.751	123.692.000	473.004.084	-	10.307.667
Chi phí quản lý cổ đông	6.211.029	15.000.000	21.211.029	-	-
Công cụ, dụng cụ	64.056.092	73.509.267	110.138.231	9.064.486	18.362.643
Chi phí sửa chữa	426.398.584	1.568.980.204	1.298.611.764	9.212.587	687.554.437
Chi phí khác	214.904.386	308.216.513	235.588.082	135.522.194	152.010.622
Cộng	1.569.587.765	2.959.527.809	3.059.467.316	470.864.949	998.783.308

5. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản thiếu chờ xử lý	1.974.368.375	1.310.367.809
Tạm ứng nhân viên	367.853.993	384.412.677
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5.266.296.307
Cộng	2.342.222.368	6.961.076.793

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	8.451.493.501	27.410.827.415	10.845.852.962	400.934.014	47.109.107.892
2. Tăng trong năm	-	36.075.000	-	-	36.075.000
<i>Mua sắm mới</i>	-	36.075.000	-	-	36.075.000
3. Giảm trong năm	-	-	2.107.865.366	-	2.107.865.366
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	2.107.865.366	-	2.107.865.366
4. Số cuối năm	8.451.493.501	27.446.902.415	8.737.987.596	400.934.014	45.037.317.526
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	2.163.283.182	3.911.001.708	5.490.498.832	252.734.630	11.817.518.352
2. Tăng trong năm	459.627.889	1.290.778.085	695.056.487	39.013.516	2.484.475.977
<i>Khấu hao trong năm</i>	459.627.889	1.290.778.085	695.056.487	39.013.516	2.484.475.977
3. Giảm trong năm	-	-	1.293.245.382	-	1.293.245.382
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	1.293.245.382	-	1.293.245.382
4. Số cuối năm	2.622.911.071	5.201.779.793	4.892.309.937	291.748.146	13.008.748.947
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	6.288.210.319	23.499.825.707	5.355.354.130	148.199.384	35.291.589.540
2. Số cuối năm	5.828.582.430	22.245.122.622	3.845.677.659	109.185.868	32.028.568.579
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
1. Số đầu năm	-	-	1.887.926.542	127.598.784	2.015.525.326
2. Số cuối năm	29.882.643	47.251.848	1.551.919.642	152.228.534	1.781.282.667
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản thanh toán tiền vay:					
1. Số đầu năm	-	-	-	-	-
2. Số cuối năm	2.423.549.491	6.169.827.753	-	-	8.593.377.244

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Tài sản cố định thuê tài chính

	Bồn chứa khí hóa lỏng
I. Nguyên giá	
1. Số đầu năm	16.002.090.000
2. Tăng trong năm	-
3. Giảm trong năm	
4. Số cuối năm	<u>16.002.090.000</u>
II. Giá trị hao mòn lũy kế	
1. Số đầu năm	566.740.679
2. Tăng trong năm	400.052.244
3. Giảm trong năm	
4. Số cuối năm	<u>966.792.923</u>
III. Giá trị còn lại	
1. Số đầu năm	15.435.349.321
2. Số cuối năm	<u>15.035.297.077</u>

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	San lấp mặt bằng	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	5.639.245.000	189.551.069	5.828.796.069
2. Tăng trong năm	640.036.487	-	640.036.487
3. Giảm trong năm	75.606.000	-	75.606.000
4. Số cuối năm	<u>6.203.675.487</u>	<u>189.551.069</u>	<u>6.393.226.556</u>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	324.540.210	41.069.394	365.609.604
2. Tăng trong năm	234.197.130	9.477.553	243.674.683
3. Giảm trong năm	5.619.365	-	5.619.365
4. Số cuối năm	<u>553.117.975</u>	<u>50.546.947</u>	<u>603.664.922</u>
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	5.314.704.790	148.481.675	5.463.186.465
2. Số cuối năm	<u>5.650.557.512</u>	<u>139.004.122</u>	<u>5.789.561.634</u>

(*) Một số lưu ý chính về các quyền sử dụng đất được theo dõi trên sổ sách kế toán của Công ty hiện nay như sau:

- Quyền sử dụng đất của kho Bến Cát vẫn do ông Lê Quý Bình, Thành viên Hội đồng Quản trị, đại diện Công ty đứng tên, giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.345.735.792 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Quyền sử dụng đất của căn nhà số 54 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu đã có Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi lại để chuyển trả cho chủ sở hữu trước đây. Trong Quyết định này, Công ty chỉ được nhận lại 30.287.631 VND, phần giá trị còn lại của căn nhà do Công ty đứng ra tự xây dựng sau này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của phần xây dựng căn nhà và quyền sử dụng đất của căn nhà này tương ứng là 227.940.781 VND và 932.560.000 VND (đây là khoản thuế nhà đất tính trên quyền sử dụng đất của căn nhà chưa nộp, xem Thuyết minh số VI.13). Hiện Công ty đã gửi Công văn lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để khiếu nại quyết định thu hồi này.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào phí	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Vỏ bình gas	62.569.081.514	1.682.746.578	8.034.821.746	6.250.000	56.210.756.346
Van bình gas	502.054.438	4.791.667	80.845.834	13.500.000	412.500.271
Chi phí sửa chữa	42.791.112	727.093.542	60.831.812	-	709.052.842
Chi phí thuê kho	-	317.065.682	28.824.153	-	288.241.529
Chi phí khác	-	143.200.161	57.449.651	-	85.750.510
Cộng	63.113.927.064	2.874.897.630	8.262.773.196	19.750.000	57.706.301.498

10. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê tài chính (*)	809.855.390	478.587.939
Ký quỹ DNTN Vũ Ngọc Toán	50.000.000	50.000.000
Ký quỹ Huy Hồng	50.000.000	50.000.000
Cộng	909.855.390	578.587.939

(*) Ký quỹ theo Hợp đồng thuê tài chính số 04.03.08/HĐCTTC ngày 7 tháng 3 năm 2008 cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL), xem Thuyết minh số VI.19.

11. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Á (*)	14.200.000.000	-
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (xem Thuyết minh số VI.19)	2.845.452.000	2.845.452.000
Cộng	17.045.452.000	2.845.452.000

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Á theo Hợp đồng vay số H5869/1 ngày 19 tháng 10 năm 2011, hạn mức vay là 14.200.000.000 VND, thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2011 với lãi suất 34,5%/năm. Tài sản đảm bảo là giá trị của 5 bồn chứa LPG dung tích 118 tấn, căn nhà và quyền sử dụng đất của Công ty tại số 110A Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh VI.6). Hiện tại, khoản vay này đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận và chi phí lãi vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được phản ánh vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm ước tính số tiền là 666.808.333 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Kinh doanh và Chế biến các sản phẩm khí	2.137.210.039	55.629.873.483
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	542.065.662	8.726.250
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	290.443.562	456.415.802
Công ty Đại Lợi (*)	833.167.128	833.167.128
Công ty TNHH Hương Minh	-	372.892.884
Công ty Jiangyan City Zhengxing Economic Trade	-	2.574.752.000
Nhà máy Sản xuất bình khí Petrol Việt Nam	1.266.552.340	3.612.017.340
Công ty TNHH An Thuận	4.357.050.862	-
Các nhà cung cấp khác	790.568.711	663.502.020
Cộng	<u>10.217.058.304</u>	<u>64.151.346.907</u>
(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận	833.167.128	

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	29.424.341	593.896.570	317.380.519	305.940.392
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	161.717.967	-	202.887.069	(41.169.102)
3	Thuế thu nhập cá nhân	24.442.392	123.273.977	144.664.843	3.051.526
4	Các loại thuế khác	1.087.720.000	(150.160.000)	5.000.000	932.560.000
	- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
	- Thuế nhà đất (**)	1.087.720.000	(155.160.000)	-	932.560.000
	Cộng	<u>1.303.304.700</u>	<u>567.010.547</u>	<u>669.932.431</u>	<u>1.200.382.816</u>

(*) Số thuế phải thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”.

(**) Khoản thuế nhà đất tính trên quyền sử dụng đất của căn nhà số 38 Trưng Nhị, thành phố Vũng Tàu không phải nộp theo Thông báo của Cơ quan thuế địa phương đã được điều chỉnh giảm trong năm. Số thuế còn phải nộp cuối năm được tính trên quyền sử dụng đất của căn nhà số 54 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, căn nhà này đã có quyết định thu hồi lại để trả cho chủ sở hữu trước đây (xem Thuyết minh số VI.8).

14. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho nhân viên Văn phòng	262.684.955	178.077.543
Tiền lương phải trả cho nhân viên Chi nhánh	255.165.011	177.079.014
Cộng	<u>517.849.966</u>	<u>355.156.557</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí kiểm toán	44.000.000	44.000.000
Phí bảo vệ	6.400.000	72.000.000
Các chi phí khác	80.988.897	26.527.341
Cộng	<u>131.388.897</u>	<u>142.527.341</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Gas kiểm kê thừa chưa xử lý	262.453.891	631.539.768
Kinh phí công đoàn	84.289.821	60.167.454
Phải trả hàng gửi tại kho khí hóa lỏng	8.723.137.828	21.167.168.402
Nhận trước tiền bán nhà	2.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả khác	263.316.354	185.310.215
Cộng	<u>11.333.197.894</u>	<u>23.044.185.839</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích lập các quỹ trong năm	Chi các quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	318.800.545	-	313.588.077	5.212.468
Cộng	<u>318.800.545</u>	-	<u>313.588.077</u>	<u>5.212.468</u>

18. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ vỏ bình gas	18.971.929.269	19.052.098.605
Nhận ký quỹ cho thuê nhà của Cửa hàng Đại Hùng	52.800.000	52.800.000
Cộng	<u>19.024.729.269</u>	<u>19.104.898.605</u>

19. Vay và nợ dài hạn

Nợ dài hạn thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	4.505.293.500	7.350.745.500
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn)	(2.845.452.000)	(2.845.452.000)
Số dư phải trả sau 12 tháng	<u>1.659.841.500</u>	<u>4.505.293.500</u>

Ngày 7 tháng 3 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng thuê tài chính với Công ty Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL) để thuê bồn chứa khí hóa lỏng 1.000 tấn, thời hạn thuê là 5 năm. Khoản tiền thuê và tiền lãi được thanh toán hàng tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng cộng 0,47%/tháng, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng một lần, lãi suất phải trả trong kỳ khoảng 16,04%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lỗ lũy kế	Cộng
Số đầu năm	96.000.000.000	35.149.050.000	2.312.959.062	510.312.986	585.631.494	(38.578.247.735)	95.979.705.807
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(13.409.401.770)	(13.409.401.770)
Số cuối năm	96.000.000.000	35.149.050.000	2.312.959.062	510.312.986	585.631.494	(51.987.649.505)	82.570.304.037

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1	Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	225.000	2,34	2.250.000.000
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	500.000	5,21	5.000.000.000
3	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	810.150	8,44	8.101.500.000
4	Ông Nguyễn Quang Ninh	249.500	2,60	2.495.000.000
5	Ông Lê Quý Bình	243.204	2,53	2.432.040.000
6	Các cổ đông khác	7.572.146	78,88	75.721.460.000
	Cộng	9.600.000	100,00	96.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu khí hóa lỏng	275.386.209.237	286.942.295.708
Doanh thu bán bồn đựng khí hóa lỏng	242.730.152	-
Doanh thu khác	1.702.849.385	1.417.634.756
Doanh thu	277.331.788.774	288.359.930.464
Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>(2.184.814.916)</i>	<i>(11.300.936)</i>
Doanh thu thuần	<u>275.146.973.858</u>	<u>288.348.629.528</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn khí hóa lỏng	253.686.646.165	271.623.073.469
Giá vốn bán bồn đựng khí hóa lỏng	327.339.524	-
Cộng	<u>254.013.985.689</u>	<u>271.623.073.469</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	782.992.374	162.967.761
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	770.170	31.222.168
Cộng	<u>783.762.544</u>	<u>194.189.929</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	346.125.000	1.184.204.668
Chi phí lãi thuê tài chính	1.163.628.971	1.395.251.369
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.660.800	433.192.514
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	134.776.000
Cộng	<u>1.575.414.771</u>	<u>3.147.424.551</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	2.753.412.878	4.444.655.045
Chi phí vật liệu	8.191.326.533	8.785.289.949
Chi phí công cụ, dụng cụ	182.389.167	54.790.100
Chi phí khấu hao	1.459.258.263	1.593.207.732
Chi phí bảo hành	-	28.169.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.104.567.577	9.806.850.818
Chi phí khác	695.424.405	399.796.501
Cộng	<u>22.386.378.823</u>	<u>25.112.760.125</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	2.748.962.153	4.505.799.610
Chi phí vật liệu	3.337.505	18.077.996
Chi phí dụng cụ văn phòng	6.014.981	36.880.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.562.331.076	1.489.061.748
Thuế, phí và lệ phí	25.852.161	14.393.847
Chi phí dự phòng	8.230.740.875	22.643.400.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.623.116.778	2.530.600.909
Chi phí khác	34.110.914	667.506.899
Cộng	<u>15.234.466.443</u>	<u>31.905.721.827</u>

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	3.422.727.273
Thu thanh lý tài sản cố định	1.014.639.991	-
Doanh thu ký quỹ vô bình gas	2.503.989.336	2.244.516.210
Thu nhập từ cân xe	71.880.000	22.090.000
Xử lý gas thừa	1.078.458.662	249.589.622
Công nợ không phải trả	285.544.375	-
Thu nhập khác	112.077.875	26.138.425
Cộng	<u>5.066.590.239</u>	<u>5.965.061.530</u>

8. Chi phí khác

Giá trị còn lại của bất động sản chuyển nhượng	-	2.312.789.333
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	884.606.619	-
Bồi thường vi phạm hợp đồng	260.040.075	18.000.000
Xử lý công nợ không thu hồi được	10.904.178	-
Tiền thu hồi nợ	-	13.699.000
Chi phí khác	40.931.813	6.485.140
Cộng	<u>1.196.482.685</u>	<u>2.350.973.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(13.409.401.770)	(39.632.072.458)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	496.513.040	441.300.067
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	497.283.210	472.522.235
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(770.170)	(31.222.168)
Lỗ tính thuế	(12.912.888.730)	(39.190.772.391)
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh	-	(40.002.320.664)
- Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	811.548.273
Thuế suất áp dụng	-	-
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh	12,5%	12,5%
- Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	202.887.069

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo theo điều kiện ưu đãi đối với Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa.

Năm 2011 là năm thứ 3 Công ty nộp thuế với thuế suất 12,5% (giảm 50% của thuế suất 25%), tuy năm nay, Công ty kinh doanh thua lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	851.865.200	774.318.800
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3.407.460.800	3.097.275.200
Sau năm 5	7.240.854.200	7.356.028.600
Cộng	11.500.180.200	11.227.622.600

Cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản cam kết tiền thuê 10.000 m2 diện tích kho chứa khí hóa lỏng (LPG) của Cảng Đồng Nai theo Hợp đồng thuê số 07-07-05/HĐKT.CĐN ngày 7 tháng 7 năm 2005, thời hạn thuê là 20 năm, đơn giá thuê là 4,09 USD/m2/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH An Thuận

Công ty TNHH TM DV Thanh Bình Rạng Đông

Mối quan hệ

Tổng Giám đốc Công ty TNHH An Thuận là vợ của Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu

Giám đốc Công ty TNHH TM DV Thanh Bình Rạng Đông là ông Lê Quý Bình, Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH An Thuận		
Bán khí hóa lỏng LPG	32.617.664.250	24.012.954.815
Mua khí hóa lỏng LPG	40.105.313.394	-
Vận chuyển thuê	21.063.058	9.084.276
Cho thuê kho	-	6.294.518
Chiết khấu bán hàng	2.170.278.864	2.178.465.932
Phí chiết nạp gas	500.041.030	442.528.746

Công ty TNHH TM DV Thanh Bình Rạng Đông

Bán khí hóa lỏng LPG

1.571.154.911

2.625.158.740

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH An Thuận		
Phải thu tiền bán hàng	1.715.448.111	5.168.998.764
Phải trả tiền mua hàng	4.357.050.862	-
Trả trước tiền phí chiết nạp gas	-	31.984.812
Phải thu khác	159.791.575	159.791.575

Công ty TNHH TM DV Thanh Bình Rạng Đông

Phải thu tiền bán hàng

301.907.250

-

Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty

Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng	980.683.077	1.205.137.989

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Đvt	Số cuối năm	Số đầu năm
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	22,76	43,52
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	77,24	56,48
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	42,78	54,78
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57,22	45,22
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,34	1,83
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,80	1,00
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,53

Thành phố Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN QUANG NINH
Tổng Giám đốc

ĐẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
Kế toán trưởng

